TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 8 – 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Diệp Hồng Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Kim T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Kim T trình bày:

Ông Kim T với bà Huỳnh Thị P kết hôn với nhau vào năm 2019. Có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 20/03/2020.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vả. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người ly thân từ tháng 5/2020.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Kim T, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị P.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị P không có lời trình bày do vắng mặt:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 143/2023/TB-TLVA ngày 14 tháng 6 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Huỳnh Thị P nhưng bà P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Kim T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần

đối với bà P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt bà P, không tiến hành hòa giải được và bà P cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Kim T và bà Huỳnh Thị P đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn bà P thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với bà Huỳnh Thị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Kim T với bà Huỳnh Thị P là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Sau khi kết hôn chỉ trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông T yêu cầu được ly hôn với bà P là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T yêu cầu nên ông T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Kim T.
- Về hôn nhân: Ông Kim T được quyền ly hôn với bà Huỳnh Thị P.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị P không phải phải nộp án phí.

+ Ông Kim T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu số 0006823 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Trần Đề;
-Chi cục THA huyện Trần Đề;
-TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng